

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NGHỊ ĐỊNH

**Quy định chi tiết việc cấp phép cho tổ chức, cá nhân nước ngoài
tiến hành nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam**

Nghị định số 41/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết việc cấp phép cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2016, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo.

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật biển Việt Nam ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết việc cấp phép cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam¹.

¹ Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Biển Việt Nam số 18/2012/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo số 82/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 35/2018/QH14, Luật số 18/2023/QH15, Luật số 61/2024/QH15;

Căn cứ Luật Thủy sản số 18/2017/QH14;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường số 146/2025/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo, bao gồm Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025; Nghị định số 41/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết việc cấp, sửa đổi, bổ sung², gia hạn, đình chỉ, thu hồi văn bản cấp phép cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam; cơ quan nhà nước và tổ chức, cá nhân liên quan trong việc cấp phép cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam.

Điều 2a. Giải thích từ ngữ³

1. Người có thẩm quyền cấp phép là Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 19 Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

2. Cơ quan giải quyết hồ sơ là Bộ Nông nghiệp và Môi trường hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển theo thẩm quyền cấp phép, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, đình chỉ, thu hồi quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 19 Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

Điều 3. Hình thức, nội dung, thời hạn cấp phép nghiên cứu khoa học

1. Hình thức cấp phép nghiên cứu khoa học:

của Chính phủ quy định chi tiết việc cấp phép cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam; Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025”.

² Cụm từ “cấp lại” được bãi bỏ theo quy định tại điểm a, khoản 3, Điều 21 của Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo, có hiệu lực từ ngày 26 tháng 01 năm 2026.

³ Điều này được bổ sung theo quy định tại Điều 16 của Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo, có hiệu lực từ ngày 06 tháng 01 năm 2026.

a) Tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu khoa học trong nội thủy, lãnh hải Việt Nam phải được sự cho phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam;

b) Tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu khoa học trong vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa Việt Nam phải được sự chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam;

Việc cho phép tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu khoa học trong nội thủy, lãnh hải Việt Nam và việc chấp thuận cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu khoa học trong vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa Việt Nam được thể hiện bằng quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học lập theo Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

2. Quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học bao gồm các nội dung chính sau đây:

- a) Tên, địa chỉ, quốc tịch của tổ chức, cá nhân nước ngoài được cấp phép;
- b) Tên, quốc tịch của các nhà khoa học nước ngoài; tên của các nhà khoa học Việt Nam tham gia hoạt động nghiên cứu;
- c) Mục tiêu, nội dung hoạt động nghiên cứu;
- d) Vị trí, tọa độ khu vực biển thực hiện hoạt động nghiên cứu;
- đ) Phương pháp nghiên cứu; phương tiện, thiết bị nghiên cứu; vật liệu nổ, hóa chất độc được phép sử dụng để nghiên cứu;
- e) Lịch trình nghiên cứu;
- g) Thời hạn cấp phép nghiên cứu khoa học.

3. Thời hạn cấp phép nghiên cứu khoa học được xác định căn cứ vào mục tiêu, nội dung nghiên cứu theo hồ sơ đề nghị cấp phép nghiên cứu khoa học nhưng tối đa không quá 02 năm và được gia hạn một lần tối đa không quá 01 năm.

Trường hợp thời hạn gia hạn đã hết nhưng hoạt động nghiên cứu chưa hoàn thành và tổ chức, cá nhân nước ngoài có nhu cầu tiếp tục nghiên cứu thì tổ chức, cá nhân nước ngoài làm hồ sơ đề nghị cấp phép mới theo quy định tại Nghị định này.

Điều 4. Các trường hợp từ chối cấp phép cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam

1. Hoạt động nghiên cứu khoa học của tổ chức, cá nhân nước ngoài không vì mục đích hòa bình; làm phương hại đến chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia của Việt Nam, hoạt động quốc phòng, an ninh và lợi ích quốc gia

trên biển của Việt Nam; làm phương hại đến trật tự, an toàn trên biển; hoạt động bị cấm theo quy định của pháp luật Việt Nam.

2. Hoạt động nghiên cứu khoa học của tổ chức, cá nhân nước ngoài ảnh hưởng nghiêm trọng đến các hoạt động điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học, thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên biển đang được tiến hành hợp pháp trong vùng biển Việt Nam.

3. Hoạt động nghiên cứu khoa học của tổ chức, cá nhân nước ngoài có sử dụng vật liệu nổ, hóa chất độc, các phương tiện, thiết bị khác có khả năng gây thiệt hại đối với người, tài nguyên và gây ô nhiễm môi trường biển, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản 2 Điều 20 Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

4. Hoạt động nghiên cứu khoa học của tổ chức, cá nhân nước ngoài có xây dựng đảo nhân tạo, công trình trên biển.

5. Thông tin trong hồ sơ đề nghị cấp phép nghiên cứu khoa học của tổ chức, cá nhân nước ngoài cung cấp không chính xác hoặc thông tin về mục tiêu, nội dung của hoạt động nghiên cứu khoa học không phù hợp với sự thực hiện nhiên.

6. Tổ chức, cá nhân nước ngoài đã được cấp phép trước đây để tiến hành nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam nhưng không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ theo quy định của pháp luật Việt Nam và Công ước của Liên hợp quốc về Luật biển năm 1982.

7. Hoạt động nghiên cứu khoa học của tổ chức, cá nhân nước ngoài có khoan ở đáy biển, lòng đất dưới đáy biển, trừ trường hợp được cơ quan có thẩm quyền cấp phép cho phép thực hiện.

8. Tổ chức, cá nhân nước ngoài nghiên cứu khoa học trong nội thủy, lãnh hải Việt Nam; nghiên cứu khoa học có khoan ở đáy biển, lòng đất dưới đáy biển không hợp tác nghiên cứu khoa học với phía Việt Nam khi Việt Nam có yêu cầu.

Điều 5. Sự tham gia của nhà khoa học Việt Nam trong hoạt động nghiên cứu khoa học của tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành trong vùng biển Việt Nam

1. Nhà khoa học Việt Nam được cử tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học của tổ chức, cá nhân nước ngoài theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 20 Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo phải có năng lực, trình độ chuyên môn hoặc lĩnh vực công tác phù hợp với nội dung nghiên cứu.

2. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ cử các nhà khoa học Việt Nam thuộc cơ quan mình tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học của tổ

chức, cá nhân nước ngoài trong vùng biển Việt Nam theo đề nghị của cơ quan giải quyết hồ sơ⁴.

3. Nhà khoa học Việt Nam tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học của tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành trong vùng biển Việt Nam có trách nhiệm sau đây:

a) Tham gia các hoạt động nghiên cứu và chủ động thu thập các thông tin, dữ liệu khoa học trong hoạt động nghiên cứu khoa học của tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành trong vùng biển Việt Nam;

b) Giám sát, kịp thời báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong trường hợp phát hiện tổ chức, cá nhân nước ngoài không tuân thủ nội dung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học hoặc vi phạm quy định của pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế có liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;

c) Báo cáo quá trình tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học đến cơ quan giải quyết hồ sơ⁵ và cơ quan cử mình tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học về quá trình nghiên cứu, các hoạt động nghiên cứu, thông tin, dữ liệu khoa học của hoạt động nghiên cứu đã thu thập được chậm nhất sau 30 ngày kể từ ngày kết thúc hoạt động nghiên cứu khoa học.

Điều 6. Hợp tác nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam

1. Tổ chức, cá nhân nước ngoài được hợp tác với tổ chức, cá nhân của Việt Nam tiến hành nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam theo quy định của pháp luật Việt Nam. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam có quyền yêu cầu, đề nghị tổ chức, cá nhân nước ngoài cùng hợp tác trong hoạt động nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam.

2. Hợp tác nghiên cứu khoa học trong nội thủy, lãnh hải Việt Nam; nghiên cứu khoa học có khoan ở đáy biển, lòng đất dưới đáy biển:

a) Tổ chức, cá nhân nước ngoài khi đề nghị nghiên cứu khoa học trong nội thủy, lãnh hải Việt Nam hoặc nghiên cứu khoa học có khoan ở đáy biển, lòng đất

⁴ Cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” được thay thế bởi cụm từ “cơ quan giải quyết hồ sơ” theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 21 của Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo, có hiệu lực từ ngày 26 tháng 01 năm 2026.

⁵ Cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” được thay thế bởi cụm từ “cơ quan giải quyết hồ sơ” theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 21 của Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo, có hiệu lực từ ngày 26 tháng 01 năm 2026.

dưới đáy biển phải có sự hợp tác với phía Việt Nam khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam yêu cầu;

b) Việc hợp tác nghiên cứu khoa học trong nội thủy, lãnh hải Việt Nam hoặc nghiên cứu khoa học có khoan ở đáy biển, lòng đất dưới đáy biển giữa tổ chức, cá nhân nước ngoài với phía Việt Nam phải được thể hiện bằng văn bản hợp tác nghiên cứu khoa học.

Điều 7. Báo cáo kết quả hoạt động nghiên cứu khoa học

1. Báo cáo kết quả nghiên cứu sơ bộ, báo cáo chính thức về kết quả nghiên cứu khoa học và các tài liệu khác quy định tại điểm h và điểm i khoản 2 Điều 20 Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo được thể hiện bằng tiếng Việt hoặc tiếng Anh.

2. Báo cáo kết quả nghiên cứu sơ bộ được lập theo Mẫu số 09 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

Chương II

CẤP, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, GIA HẠN⁶ QUYẾT ĐỊNH CẤP PHÉP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Điều 8. Hồ sơ đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung, gia hạn⁷ quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học

1. Hồ sơ đề nghị cấp phép nghiên cứu khoa học bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp phép nghiên cứu khoa học được lập theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Văn bản chứng minh tư cách pháp nhân theo quy định pháp luật của nước nơi tổ chức được thành lập nêu là tổ chức; văn bản chứng minh năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của nước nơi cá nhân mang quốc tịch nếu là cá nhân đề nghị cấp phép nghiên cứu khoa học;

c) Văn bản hợp tác nghiên cứu khoa học giữa tổ chức, cá nhân nước ngoài và tổ chức, cá nhân Việt Nam trong trường hợp có hợp tác với phía Việt Nam ở khu vực biên dự kiến tiến hành nghiên cứu khoa học;

⁶ Cụm từ “, cấp lại” được bãi bỏ theo quy định tại điểm a, khoản 3, Điều 21 của Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo, có hiệu lực từ ngày 26 tháng 01 năm 2026.

⁷ Cụm từ “, cấp lại” được bãi bỏ theo quy định tại điểm a, khoản 3, Điều 21 của Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo, có hiệu lực từ ngày 26 tháng 01 năm 2026.

d) Dự án hoặc kế hoạch nghiên cứu khoa học ở khu vực biển dự kiến tiến hành nghiên cứu khoa học.

2. Hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học bao gồm:

a) Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học, trong đó nêu rõ nội dung, lý do sửa đổi, bổ sung được lập theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Báo cáo tình hình, kết quả hoạt động nghiên cứu khoa học đã thực hiện đến thời điểm đề nghị sửa đổi, bổ sung;

c) Bản sao quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học đã được cấp.

3. Hồ sơ đề nghị gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học bao gồm:

a) Đơn đề nghị gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học, trong đó nêu rõ thời gian, lý do đề nghị gia hạn được lập theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Báo cáo tình hình, kết quả hoạt động nghiên cứu khoa học đã thực hiện đến thời điểm đề nghị gia hạn;

c) Bản sao quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học đã được cấp.

4⁸. (được bãi bỏ)

5. Hồ sơ đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung, gia hạn⁹ quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học được thể hiện bằng tiếng Việt hoặc tiếng Anh.

Số lượng hồ sơ đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung, gia hạn¹⁰ quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học là 01 bộ.

Điều 9. Phương thức, thời gian gửi hồ sơ¹¹

1. Tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức liên chính phủ gửi hồ sơ đề nghị cấp

⁸ Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại điểm b, khoản 3, Điều 21 của Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo, có hiệu lực từ ngày 26 tháng 01 năm 2026.

⁹ Cụm từ “, cấp lại” được bãi bỏ theo quy định tại điểm a, khoản 3, Điều 21 của Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo, có hiệu lực từ ngày 26 tháng 01 năm 2026.

¹⁰ Cụm từ “, cấp lại” được bãi bỏ theo quy định tại điểm a, khoản 3, Điều 21 của Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo, có hiệu lực từ ngày 26 tháng 01 năm 2026.

¹¹ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 17 của Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo, có hiệu lực từ ngày 26 tháng 01 năm 2026.

phép nghiên cứu khoa học thông qua đường ngoại giao.

Trường hợp tổ chức, cá nhân nước ngoài mà nước đó chưa có quan hệ ngoại giao với Việt Nam, tổ chức liên chính phủ chưa có cơ quan đại diện tại Việt Nam thì gửi hồ sơ trực tiếp đến cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

2. Thời gian gửi hồ sơ:

a) Hồ sơ đề nghị cấp phép nghiên cứu khoa học phải gửi đến cơ quan tiếp nhận hồ sơ với đầy đủ thông tin theo quy định chậm nhất 6 tháng trước thời điểm dự kiến tiến hành nghiên cứu khoa học;

b) Hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung, gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học phải gửi đến cơ quan tiếp nhận hồ sơ chậm nhất là 60 ngày trước ngày quyết định cấp phép hết hạn.

Điều 10. Sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học

1. Quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học được xem xét sửa đổi, bổ sung trong các trường hợp sau đây:

- a) Thay đổi nội dung hoạt động nghiên cứu khoa học;
- b) Thay đổi một trong các nội dung về vị trí, tọa độ, phương pháp, phương tiện, thiết bị, lịch trình thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học.

2. Việc sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học chỉ được xem xét khi đáp ứng các yêu cầu sau đây:

a) Tổ chức, cá nhân nước ngoài đề nghị sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học nộp đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định này cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ;

b) Đến thời điểm đề nghị sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học, tổ chức, cá nhân nước ngoài thực hiện đúng nghĩa vụ quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e và điểm g khoản 2 Điều 20 Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo;

c) Quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học còn hiệu lực.

3. Việc sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học được thể hiện bằng quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học mới. Thời hạn tối đa của quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học mới bằng thời hạn còn lại của quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học đã được cấp trước đó.

Điều 11. Gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học

1. Quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học được xem xét gia hạn trong trường hợp thời hạn của quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học không đủ để hoàn thành các hoạt động nghiên cứu đã được cấp phép và tổ chức, cá nhân nước ngoài có nhu cầu gia hạn thời gian để thực hiện.

2. Việc gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học chỉ được xem xét khi đáp ứng các yêu cầu sau đây:

a) Tổ chức, cá nhân nước ngoài đề nghị gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học nộp đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị định này cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ;

b) Đến thời điểm đề nghị gia hạn, tổ chức, cá nhân nước ngoài thực hiện đúng nghĩa vụ quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e và điểm g khoản 2 Điều 20 Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo;

c) Quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học đã được cấp còn hiệu lực và thời hạn còn lại ít nhất là 90 ngày.

3. Việc gia hạn được thể hiện bằng quyết định gia hạn hoạt động nghiên cứu khoa học được lập theo Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

Điều 12¹². (được bãi bỏ)

Điều 13. Trình tự cấp, sửa đổi, bổ sung, gia hạn¹³ quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học

1. Việc cấp, sửa đổi, bổ sung, gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học được thực hiện theo trình tự sau đây:

a) Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ;

b) Lấy ý kiến các cơ quan có liên quan;

c) Thẩm định;

d) Quyết định việc cấp, sửa đổi, bổ sung, gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học.

¹² Điều này được bãi bỏ theo quy định tại điểm b, khoản 3, Điều 21 của Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo, có hiệu lực từ ngày 26 tháng 01 năm 2026.

¹³ Cụm từ “, cấp lại” được bãi bỏ theo quy định tại điểm a, khoản 3, Điều 21 của Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo, có hiệu lực từ ngày 26 tháng 01 năm 2026.

2.¹⁴ (được bãi bỏ)

Điều 14. Cách thức nộp hồ sơ, tiếp nhận hồ sơ, nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính¹⁵

Cách thức nộp hồ sơ, tiếp nhận hồ sơ, nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính thực hiện theo quy định tại Điều 15, Điều 17 và Điều 22 Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Công Dịch vụ công quốc gia.

Điều 15. Lấy ý kiến các cơ quan có liên quan về việc cấp phép nghiên cứu khoa học

1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị cấp phép theo quy định, cơ quan giải quyết hồ sơ¹⁶ gửi văn bản kèm theo hồ sơ đề nghị cấp phép đến Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ và các bộ quản lý ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan có liên quan để lấy ý kiến về việc cấp phép nghiên cứu khoa học.

2. Nội dung văn bản lấy ý kiến gồm những nội dung sau:

a) Đề nghị cho ý kiến về việc đồng ý hay không đồng ý cấp phép nghiên cứu khoa học;

b) Trường hợp hồ sơ đề nghị cấp phép nghiên cứu khoa học trong nội thủy, lãnh hải Việt Nam, văn bản lấy ý kiến phải có nội dung đề nghị các cơ quan có liên quan cho ý kiến đề xuất về yêu cầu hợp tác nghiên cứu khoa học của phía Việt Nam;

c) Trường hợp hồ sơ đề nghị cấp phép nghiên cứu khoa học có khoan ở đáy biển, lòng đất dưới đáy biển, văn bản lấy ý kiến các cơ quan có liên quan phải có nội dung đề nghị cho ý kiến về việc cho phép hoặc không cho phép tổ chức, cá nhân nước ngoài thực hiện nghiên cứu khoa học có khoan ở đáy biển, lòng đất dưới đáy biển; cho ý kiến đề xuất về yêu cầu hợp tác nghiên cứu khoa học của

¹⁴ Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại điểm b, khoản 3, Điều 21 của Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo, có hiệu lực từ ngày 26 tháng 01 năm 2026.

¹⁵ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 18 của Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo, có hiệu lực từ ngày 26 tháng 01 năm 2026.

¹⁶ Cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” được thay thế bởi cụm từ “cơ quan giải quyết hồ sơ” theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 21 của Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo, có hiệu lực từ ngày 26 tháng 01 năm 2026.

phía Việt Nam trong trường hợp đồng ý cho phép nghiên cứu khoa học có khoan ở đáy biển, lòng đất dưới đáy biển;

d) Đề nghị cơ quan có chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước có liên quan đến mục tiêu, nội dung nghiên cứu khoa học cử nhà khoa học tham gia hoạt động nghiên cứu.

3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của cơ quan giải quyết hồ sơ¹⁷, các cơ quan được lấy ý kiến phải có văn bản trả lời gửi cơ quan giải quyết hồ sơ¹⁸; quá thời hạn 30 ngày mà không có văn bản trả lời thì coi như cơ quan được lấy ý kiến đồng ý với các nội dung được lấy ý kiến và phải chịu trách nhiệm đầy đủ về những vấn đề thuộc phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của ngành, lĩnh vực mình quản lý. Nội dung của văn bản trả lời phải bao gồm các nội dung sau:

- a) Nêu rõ đồng ý hoặc không đồng ý cấp phép, lý do nếu không đồng ý cấp phép;
- b) Có ý kiến đồng ý hoặc không đồng ý cho tổ chức, cá nhân nước ngoài nghiên cứu khoa học độc lập trong nội thủy, lãnh hải Việt Nam.

Trong trường hợp có yêu cầu tổ chức, cá nhân nước ngoài phải hợp tác với phía Việt Nam nghiên cứu khoa học trong nội thủy, lãnh hải Việt Nam, văn bản trả lời phải nêu cụ thể về nội dung, yêu cầu hợp tác nghiên cứu khoa học của phía Việt Nam;

- c) Có ý kiến đồng ý hoặc không đồng ý cho tổ chức, cá nhân nước ngoài nghiên cứu khoa học có khoan ở đáy biển, lòng đất dưới đáy biển.

Có ý kiến đồng ý hoặc không đồng ý cho tổ chức, cá nhân nước ngoài nghiên cứu khoa học độc lập có khoan ở đáy biển, lòng đất dưới đáy biển. Trong trường hợp có yêu cầu tổ chức, cá nhân nước ngoài nghiên cứu khoa học có khoan ở đáy biển, lòng đất dưới đáy biển phải hợp tác với phía Việt Nam, văn bản trả lời phải nêu cụ thể về nội dung, yêu cầu hợp tác nghiên cứu khoa học của phía Việt Nam;

¹⁷ Cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” được thay thế bởi cụm từ “cơ quan giải quyết hồ sơ” theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 21 của Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo, có hiệu lực từ ngày 26 tháng 01 năm 2026.

¹⁸ Cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” được thay thế bởi cụm từ “cơ quan giải quyết hồ sơ” theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 21 của Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo, có hiệu lực từ ngày 26 tháng 01 năm 2026.

d) Cử nhà khoa học tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học của tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành trong vùng biển Việt Nam kèm theo lý lịch khoa học của người được cử.

4. Sau khi nhận được văn bản trả lời, trường hợp có ý kiến không thống nhất của một trong các bộ là Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ về việc cấp phép, người có thẩm quyền cấp phép¹⁹ quyết định từ chối cấp phép, ban hành văn bản thông báo đến tổ chức, cá nhân nước ngoài về việc từ chối cấp phép.

Điều 16. Giải quyết hồ sơ đề nghị cấp phép đối với hoạt động nghiên cứu khoa học của tổ chức, cá nhân nước ngoài có khoan ở đáy biển, lòng đất dưới đáy biển; nghiên cứu khoa học trong nội thủy, lãnh hải Việt Nam trong trường hợp có yêu cầu hợp tác của phía Việt Nam

1. Sau khi nhận được văn bản trả lời của các cơ quan theo quy định tại Điều 15 Nghị định này, trường hợp có ý kiến từ một trong các bộ là Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ về việc không đồng ý cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu khoa học độc lập có khoan ở đáy biển, lòng đất dưới đáy biển, người có thẩm quyền cấp phép²⁰ ban hành văn bản thông báo đến tổ chức, cá nhân nước ngoài về việc không đồng ý khoan ở đáy biển, lòng đất dưới đáy biển và yêu cầu tổ chức, cá nhân điều chỉnh nội dung nghiên cứu, chỉnh sửa và gửi lại hồ sơ đề nghị cấp phép trong thời hạn 30 ngày.

Trường hợp tổ chức, cá nhân nước ngoài không điều chỉnh nội dung nghiên cứu, chỉnh sửa và gửi lại hồ sơ đề nghị cấp phép trong thời hạn quy định, người có thẩm quyền cấp phép²¹ ban hành văn bản thông báo đến tổ chức, cá nhân nước ngoài về việc từ chối cấp phép.

2. Sau khi nhận được văn bản trả lời của các cơ quan theo quy định tại Điều 15 Nghị định này, trường hợp có yêu cầu hợp tác của phía Việt Nam đối với hoạt

¹⁹ Cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” được thay thế bởi cụm từ “người có thẩm quyền cấp phép” theo quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 21 của Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo, có hiệu lực từ ngày 26 tháng 01 năm 2026.

²⁰ Cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” được thay thế bởi cụm từ “người có thẩm quyền cấp phép” theo quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 21 của Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo, có hiệu lực từ ngày 26 tháng 01 năm 2026.

²¹ Cụm từ “Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường” được thay thế bởi cụm từ “người có thẩm quyền cấp phép” theo quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 21 của Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo, có hiệu lực từ ngày 26 tháng 01 năm 2026.

động nghiên cứu khoa học của tổ chức, cá nhân nước ngoài trong nội thủy, lãnh hải Việt Nam; nghiên cứu khoa học có khoan ở đáy biển, lòng đất dưới đáy biển, cơ quan giải quyết hồ sơ²² xem xét, đánh giá khả năng và nhu cầu hợp tác của phía Việt Nam trên cơ sở ý kiến đề xuất hợp tác của các cơ quan và ban hành văn bản thông báo đến tổ chức, cá nhân nước ngoài về nội dung, yêu cầu hợp tác.

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, tổ chức, cá nhân nước ngoài phải trả lời bằng văn bản về việc đồng ý hay không đồng ý hợp tác. Trường hợp đồng ý hợp tác, tổ chức, cá nhân nước ngoài và phía Việt Nam trao đổi, thảo luận các nội dung và điều kiện hợp tác, ký văn bản thỏa thuận hợp tác gửi bổ sung vào hồ sơ đề nghị cấp phép đến cơ quan giải quyết hồ sơ²³.

Trường hợp tổ chức, cá nhân nước ngoài không đồng ý hợp tác, cơ quan giải quyết hồ sơ²⁴ ban hành văn bản thông báo đến tổ chức, cá nhân nước ngoài về việc từ chối cấp phép.

Điều 17. Thẩm định cấp phép, sửa đổi, bổ sung, gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học

1. Nội dung thẩm định:

a) Tính đầy đủ về hình thức, thành phần, nội dung và tính chính xác của thông tin trong hồ sơ;

b) Sự phù hợp giữa mục tiêu và nội dung của hoạt động nghiên cứu khoa học;

c) Việc đáp ứng các điều kiện cấp phép quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo, các quy định có liên quan của Công ước của Liên hợp quốc về Luật biển năm 1982 và các điều kiện sửa đổi, bổ sung, gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học quy định tại Điều 10 và Điều 11 Nghị định này.

²² Cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” được thay thế bởi cụm từ “cơ quan giải quyết hồ sơ” theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 21 của Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo, có hiệu lực từ ngày 26 tháng 01 năm 2026.

²³ Cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” được thay thế bởi cụm từ “cơ quan giải quyết hồ sơ” theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 21 của Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo, có hiệu lực từ ngày 26 tháng 01 năm 2026.

²⁴ Cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” được thay thế bởi cụm từ “cơ quan giải quyết hồ sơ” theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 21 của Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo, có hiệu lực từ ngày 26 tháng 01 năm 2026.

2. Việc thẩm định được thực hiện theo quy định sau đây:

a) Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị cấp phép nghiên cứu khoa học theo quy định, cơ quan giải quyết hồ sơ²⁵ phải hoàn thành việc tổ chức thẩm định cấp phép theo nội dung quy định tại khoản 1 Điều này. Kết quả thẩm định phải được lập bằng văn bản;

b) Trong thời hạn 50 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung, gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học theo quy định, cơ quan giải quyết hồ sơ²⁶ phải hoàn thành việc tổ chức thẩm định đề nghị sửa đổi, bổ sung, gia hạn quyết định cấp phép theo nội dung quy định tại khoản 1 Điều này. Kết quả thẩm định phải được lập bằng văn bản.

Điều 18. Quyết định việc cấp phép nghiên cứu khoa học

1²⁷. Trên cơ sở kết quả thẩm định, trường hợp hồ sơ đề nghị cấp phép nghiên cứu khoa học đáp ứng các yêu cầu, điều kiện theo quy định, không thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5 và khoản 6 Điều 4 Nghị định này và có ý kiến thống nhất của Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ về việc cấp phép, người có thẩm quyền cấp phép ban hành quyết định cấp phép cho tổ chức, cá nhân nước ngoài nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam.

Trường hợp hồ sơ đề nghị cấp phép nghiên cứu khoa học không đáp ứng các yêu cầu, điều kiện để được cấp phép theo quy định hoặc thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5 và khoản 6 Điều 4 Nghị định này, người có thẩm quyền cấp phép ban hành văn bản thông báo đến tổ chức, cá nhân nước ngoài về việc từ chối cấp phép; cơ quan giải quyết hồ sơ trả lại hồ sơ cho Bộ phận Một cửa kèm theo thông báo bằng văn bản trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Bộ phận Một cửa thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

²⁵ Cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” được thay thế bởi cụm từ “cơ quan giải quyết hồ sơ” theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 21 của Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo, có hiệu lực từ ngày 26 tháng 01 năm 2026.

²⁶ Cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” được thay thế bởi cụm từ “cơ quan giải quyết hồ sơ” theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 21 của Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo, có hiệu lực từ ngày 26 tháng 01 năm 2026.

²⁷ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 19 của Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo, có hiệu lực từ ngày 26 tháng 01 năm 2026.

Trường hợp hồ sơ còn chưa đủ thông tin để cấp phép, cơ quan giải quyết hồ sơ gửi văn bản nêu rõ lý do, nội dung, thông tin cần bổ sung, giải trình đến tổ chức, cá nhân. Tổ chức, cá nhân gửi văn bản cung cấp bổ sung thông tin, giải trình đến cơ quan thẩm định hồ sơ trong thời hạn không quá 20 ngày kể từ ngày cơ quan giải quyết hồ sơ gửi văn bản (thời gian này không tính vào thời hạn giải quyết hồ sơ); sau 20 ngày, nếu tổ chức, cá nhân không hoàn thành việc hoàn thiện hồ sơ, cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Bộ phận Một cửa thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi nhận đủ hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện để được cấp phép, người có thẩm quyền cấp phép xem xét, cấp phép nghiên cứu khoa học.

2. Người có thẩm quyền cấp phép²⁸ phải quyết định về việc cấp phép nghiên cứu khoa học chậm nhất trong thời hạn 120 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định.

Trường hợp hoạt động nghiên cứu khoa học của tổ chức, cá nhân nước ngoài có khoan ở đáy biển, lòng đất dưới đáy biển; nghiên cứu khoa học trong nội thủy, lãnh hải Việt Nam trong trường hợp có yêu cầu hợp tác của phía Việt Nam theo quy định tại Điều 16 Nghị định này, thời hạn 120 ngày được tính từ ngày cơ quan tiếp nhận hồ sơ nhận được văn bản hợp tác nghiên cứu khoa học bổ sung vào hồ sơ hoặc nhận được hồ sơ đã điều chỉnh nội dung nghiên cứu khoa học không có khoan ở đáy biển, lòng đất dưới đáy biển.

3. Cơ quan giải quyết hồ sơ²⁹ có trách nhiệm gửi quyết định cấp phép hoặc văn bản thông báo từ chối cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam đến tổ chức, cá nhân nước ngoài, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan có liên quan.

²⁸ Cụm từ “Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường” được thay thế bởi cụm từ “người có thẩm quyền cấp phép” theo quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 21 của Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo, có hiệu lực từ ngày 26 tháng 01 năm 2026.

²⁹ Cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” được thay thế bởi cụm từ “cơ quan giải quyết hồ sơ” theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 21 của Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo, có hiệu lực từ ngày 26 tháng 01 năm 2026.

Điều 19. Quyết định việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học³⁰

1. Sau khi nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung, gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học theo quy định, cơ quan giải quyết hồ sơ phải thực hiện việc lấy ý kiến các cơ quan có liên quan và thẩm định theo quy định tại Điều 15 và Điều 17 Nghị định này.

2. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, người có thẩm quyền cấp phép quyết định về việc đồng ý hoặc không đồng ý sửa đổi, bổ sung, gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học; ban hành quyết định sửa đổi, bổ sung, gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học hoặc ban hành văn bản thông báo trong trường hợp không đồng ý sửa đổi, bổ sung, gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học.

3. Trường hợp hồ sơ không đáp ứng các yêu cầu, điều kiện để được sửa đổi, bổ sung, gia hạn theo quy định hoặc thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5 và khoản 6 Điều 4 Nghị định này, người có thẩm quyền cấp phép ban hành văn bản thông báo đến tổ chức, cá nhân nước ngoài về việc từ chối sửa đổi, bổ sung, gia hạn; cơ quan giải quyết hồ sơ trả lại hồ sơ cho Bộ phận Một cửa kèm theo thông báo bằng văn bản trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Bộ phận Một cửa thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

Trường hợp hồ sơ còn chưa đủ thông tin để sửa đổi, bổ sung, gia hạn, cơ quan giải quyết hồ sơ gửi văn bản nêu rõ lý do, nội dung, thông tin cần bổ sung, giải trình đến tổ chức, cá nhân. Tổ chức, cá nhân gửi văn bản cung cấp bổ sung thông tin, giải trình đến cơ quan giải quyết hồ sơ trong thời hạn không quá 20 ngày kể từ ngày cơ quan giải quyết hồ sơ gửi văn bản (thời gian này không tính vào thời hạn giải quyết hồ sơ); sau 20 ngày, nếu tổ chức, cá nhân không hoàn thành việc hoàn thiện hồ sơ, cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Bộ phận Một cửa thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi nhận đủ hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện để được sửa đổi, bổ sung, gia hạn, người có thẩm quyền cấp phép xem xét, quyết định việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học.

³⁰ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo, có hiệu lực từ ngày 26 tháng 01 năm 2026.

4. Cơ quan giải quyết hồ sơ có trách nhiệm gửi quyết định sửa đổi, bổ sung, gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học hoặc văn bản thông báo không đồng ý sửa đổi, bổ sung, gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam đến tổ chức, cá nhân nước ngoài, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển và các cơ quan có liên quan.

Điều 20. Các điều kiện và yêu cầu khi tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam

1. Tổ chức, cá nhân nước ngoài có trách nhiệm nộp phí thẩm định cấp phép, lệ phí cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí của Việt Nam.

2. Tổ chức, cá nhân nước ngoài được cấp phép nghiên cứu khoa học có trách nhiệm tuân thủ đúng các nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 20 Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo; phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện và thực hiện đúng các yêu cầu có liên quan theo quy định của pháp luật về biển, hàng hải, hàng không, hải quan, thuế, lao động, y tế, xuất nhập cảnh, quốc phòng, an ninh và các quy định khác có liên quan của Việt Nam.

3. Trong quá trình nghiên cứu khoa học, khi có bất cứ thay đổi nào so với nội dung đã được cấp phép, trừ các trường hợp sửa đổi, bổ sung, gia hạn quyết định cấp phép quy định tại khoản 1 Điều 10 và khoản 1 Điều 11 Nghị định này, tổ chức, cá nhân nước ngoài phải thông báo ngay cho cơ quan giải quyết hồ sơ³¹ và chỉ được thực hiện sự thay đổi đó sau khi có sự đồng ý bằng văn bản của người có thẩm quyền cấp phép³².

4. Tổ chức, cá nhân nước ngoài trước khi vào vùng biển Việt Nam bắt đầu tiến hành nghiên cứu khoa học và trước khi rời khỏi vùng biển Việt Nam phải thông báo cho cơ quan giải quyết hồ sơ³³ trước 05 ngày; thông báo cho các cơ

³¹ Cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” được thay thế bởi cụm từ “cơ quan giải quyết hồ sơ” theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 21 của Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo, có hiệu lực từ ngày 26 tháng 01 năm 2026.

³² Cụm từ “Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường” được thay thế bởi cụm từ “người có thẩm quyền cấp phép” theo quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 21 của Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo, có hiệu lực từ ngày 26 tháng 01 năm 2026.

³³ Cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” được thay thế bởi cụm từ “cơ quan giải quyết hồ sơ” theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 21 của Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo, có hiệu lực từ ngày 26 tháng 01 năm 2026.

quan, tổ chức có thẩm quyền theo quy định của pháp luật hàng hải và pháp luật khác có liên quan của Việt Nam.

Chương III

ĐÌNH CHỈ, THU HỒI QUYẾT ĐỊNH CẤP PHÉP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Điều 21. Đình chỉ quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học

1. Quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học bị đình chỉ trong những trường hợp sau đây:

a) Không thực hiện đúng nội dung nghiên cứu, vị trí, tọa độ khu vực biển thực hiện hoạt động nghiên cứu; phương pháp, phương tiện, thiết bị nghiên cứu; lịch trình nghiên cứu theo quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học đã được cấp;

b) Làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến các hoạt động điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học, thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên biển đang được tiến hành hợp pháp trong vùng biển Việt Nam;

c) Hoạt động nghiên cứu khoa học gây thiệt hại nghiêm trọng đối với tài nguyên, gây ô nhiễm, suy thoái môi trường, hệ sinh thái biển, hải đảo;

d) Mang vào vùng biển Việt Nam vũ khí, vật liệu nổ, hóa chất độc, các phương tiện, thiết bị khác có khả năng gây thiệt hại đối với người, tài nguyên và gây ô nhiễm môi trường biển, trừ trường hợp vật liệu nổ, hóa chất độc được cơ quan có thẩm quyền cấp phép cho phép sử dụng để thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học;

đ) Tiến hành các hoạt động nghiên cứu khoa học khi thời hạn của quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học đã hết mà không được gia hạn;

e) Không bảo đảm các điều kiện làm việc cần thiết bao gồm cả chi phí cho các nhà khoa học được cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam cử tham gia nghiên cứu;

g) Vi phạm các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, pháp luật về hàng hải và pháp luật khác có liên quan của Việt Nam và pháp luật quốc tế có liên quan.

2. Việc đình chỉ quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học được thực hiện theo trình tự sau đây:

a) Các lực lượng tuần tra, kiểm soát trên biển khi phát hiện hoặc nhận được thông báo về việc tổ chức, cá nhân nước ngoài có hành vi vi phạm thuộc các trường

hợp quy định tại khoản 1 Điều này lập biên bản về hành vi vi phạm và quyết định xử lý theo thẩm quyền theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; gửi hồ sơ xử lý vi phạm đến cơ quan giải quyết hồ sơ³⁴.

Nhà khoa học Việt Nam tham gia hoạt động nghiên cứu, tổ chức, cá nhân khác phát hiện hành vi vi phạm thuộc các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này kịp thời báo cho các lực lượng tuần tra, kiểm soát trên biển hoặc báo cho cơ quan giải quyết hồ sơ³⁵;

b) Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông tin về việc tổ chức, cá nhân nước ngoài có hành vi vi phạm thuộc các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, người có thẩm quyền cấp phép³⁶ xem xét, quyết định việc đình chỉ hoặc không đình chỉ quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học đã cấp cho tổ chức, cá nhân nước ngoài. Quyết định đình chỉ được lập theo Mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

c) Trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc kể từ ngày quyết định đình chỉ, cơ quan giải quyết hồ sơ³⁷ có trách nhiệm gửi quyết định đình chỉ quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học đến tổ chức, cá nhân nước ngoài và thông báo đến các cơ quan, tổ chức có liên quan. Quyết định đình chỉ được gửi trực tiếp đến tổ chức, cá nhân nước ngoài đồng thời gửi thông qua các hệ thống thông tin, liên lạc trên biển.

3. Khi nhận được quyết định đình chỉ quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học, tổ chức, cá nhân nước ngoài phải dừng ngay hoạt động nghiên cứu khoa học; trường hợp gây thiệt hại cho tổ chức, cá nhân khác hoặc gây thiệt hại đến môi trường thì phải bồi thường thiệt hại và phục hồi môi trường theo quy định của pháp luật Việt Nam.

³⁴ Cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” được thay thế bởi cụm từ “cơ quan giải quyết hồ sơ” theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 21 của Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo, có hiệu lực từ ngày 26 tháng 01 năm 2026.

³⁵ Cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” được thay thế bởi cụm từ “cơ quan giải quyết hồ sơ” theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 21 của Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo, có hiệu lực từ ngày 26 tháng 01 năm 2026.

³⁶ Cụm từ “Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường” được thay thế bởi cụm từ “người có thẩm quyền cấp phép” theo quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 21 của Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo, có hiệu lực từ ngày 26 tháng 01 năm 2026.

³⁷ Cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” được thay thế bởi cụm từ “cơ quan giải quyết hồ sơ” theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 21 của Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo, có hiệu lực từ ngày 26 tháng 01 năm 2026.

4. Tổ chức, cá nhân nước ngoài bị đình chỉ quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học được tiếp tục hoạt động nghiên cứu khoa học khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Đã chấm dứt các hành vi vi phạm, thực hiện đầy đủ các yêu cầu theo quyết định đình chỉ quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học;

b) Đã hoàn thành việc bồi thường thiệt hại, phục hồi môi trường trong trường hợp gây thiệt hại cho tổ chức, cá nhân khác hoặc gây thiệt hại đến môi trường;

c) Đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép hoặc chấp thuận bằng quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học mới đối với trường hợp bị đình chỉ quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này.

5. Việc tiếp tục thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học sau khi bị đình chỉ được thực hiện theo trình tự sau đây:

a) Tổ chức, cá nhân nước ngoài gửi văn bản đề nghị được tiếp tục hoạt động nghiên cứu khoa học trong đó nêu rõ kết quả thực hiện các quy định tại điểm a và điểm b khoản 4 Điều này đến cơ quan giải quyết hồ sơ³⁸;

b) Cơ quan giải quyết hồ sơ³⁹ phối hợp với các cơ quan có liên quan xem xét, kiểm tra việc tổ chức, cá nhân nước ngoài đã thực hiện các quy định tại điểm a và điểm b khoản 4 Điều này;

c) Trường hợp tổ chức, cá nhân nước ngoài đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm a và điểm b khoản 4 Điều này, trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, người có thẩm quyền cấp phép⁴⁰ ra văn bản cho phép tổ chức, cá nhân nước ngoài được tiếp tục hoạt động nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam;

d) Đối với trường hợp bị đình chỉ quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này, tổ chức, cá nhân nước ngoài phải gửi hồ sơ đề nghị cấp phép nghiên cứu khoa học

³⁸ Cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” được thay thế bởi cụm từ “cơ quan giải quyết hồ sơ” theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 21 của Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo, có hiệu lực từ ngày 26 tháng 01 năm 2026.

³⁹ Cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” được thay thế bởi cụm từ “cơ quan giải quyết hồ sơ” theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 21 của Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo, có hiệu lực từ ngày 26 tháng 01 năm 2026.

⁴⁰ Cụm từ “Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường” được thay thế bởi cụm từ “người có thẩm quyền cấp phép” theo quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 21 của Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo, có hiệu lực từ ngày 26 tháng 01 năm 2026.

đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền và chỉ được tiếp tục thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép hoặc chấp thuận bằng quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học mới.

Điều 22. Thu hồi quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học

1. Quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học bị thu hồi trong những trường hợp sau đây:

a) Hoạt động nghiên cứu khoa học của tổ chức, cá nhân nước ngoài làm phương hại đến chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia của Việt Nam, hoạt động quốc phòng, an ninh và lợi ích quốc gia trên biển của Việt Nam; làm phương hại đến trật tự, an toàn trên biển; tiến hành hoạt động bị cấm theo quy định của pháp luật Việt Nam;

b) Lợi dụng hoạt động nghiên cứu khoa học đã được cấp phép để thực hiện các hoạt động không vì mục đích hòa bình hoặc tiến hành hoạt động khác ngoài các hoạt động nghiên cứu khoa học theo nội dung đã được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp phép;

c) Quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học đã bị đình chỉ nhưng tổ chức, cá nhân nước ngoài không thực hiện các yêu cầu theo quyết định đình chỉ quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học;

d) Đã bị đình chỉ quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học mà lại tái phạm hành vi vi phạm sau khi được tiếp tục hoạt động nghiên cứu khoa học.

2. Việc thu hồi quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học được thực hiện theo trình tự sau đây:

a) Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông tin của các lực lượng tuần tra, kiểm soát trên biển, nhà khoa học Việt Nam tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học và tổ chức, cá nhân khác về việc tổ chức, cá nhân nước ngoài có hành vi vi phạm thuộc các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều này, cơ quan giải quyết hồ sơ⁴¹ gửi văn bản lấy ý kiến của Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ; phối hợp với các lực lượng thực thi trên biển tiến hành kiểm tra, xác minh nếu cần thiết; chậm nhất trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản, các bộ được đề nghị cho ý kiến có trách nhiệm gửi văn bản trả lời;

⁴¹ Cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” được thay thế bởi cụm từ “cơ quan giải quyết hồ sơ” theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 21 của Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo, có hiệu lực từ ngày 26 tháng 01 năm 2026.

b) Chậm nhất trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông tin về hành vi vi phạm, người có thẩm quyền cấp phép⁴² quyết định việc thu hồi hoặc không thu hồi quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học đã cấp cho tổ chức, cá nhân nước ngoài. Quyết định thu hồi được lập theo Mẫu số 08 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

c) Trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định thu hồi, cơ quan giải quyết hồ sơ⁴³ có trách nhiệm gửi quyết định thu hồi quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học đến tổ chức, cá nhân nước ngoài và thông báo đến các cơ quan, tổ chức có liên quan. Việc gửi quyết định thu hồi quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học đến tổ chức, cá nhân nước ngoài được gửi trực tiếp đến tổ chức, cá nhân nước ngoài đồng thời gửi thông qua các hệ thống thông tin, liên lạc trên biển.

3. Khi nhận được quyết định thu hồi quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học, tổ chức, cá nhân nước ngoài phải chấm dứt ngay hoạt động nghiên cứu khoa học, tháo dỡ và đưa ra khỏi vùng biển Việt Nam các phương tiện, thiết bị nghiên cứu khoa học.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH⁴⁴

⁴² Cụm từ “Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường” được thay thế bởi cụm từ “người có thẩm quyền cấp phép” theo quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 21 của Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo, có hiệu lực từ ngày 26 tháng 01 năm 2026.

⁴³ Cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” được thay thế bởi cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại điểm d, khoản 1, Điều 21 của Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo, có hiệu lực từ ngày 26 tháng 01 năm 2026.

⁴⁴ Khoản 1, khoản 3 Điều 46 và khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo, có hiệu lực từ ngày 26 tháng 01 năm 2026 quy định như sau:

“Điều 46. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

3. Bãi bỏ Điều 51; Điều 52; Điều 53; Điều 54 và Điều 55 của Nghị định 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

Điều 47. Điều khoản chuyển tiếp

1. Tổ chức, cá nhân đã được cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ để giải quyết thủ tục hành chính trước ngày Nghị định này có hiệu lực mà chưa có kết quả giải quyết thủ tục hành chính thì tiếp tục được giải quyết theo quy định của pháp luật tại thời điểm tiếp nhận; trừ trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị thực hiện theo quy định của Nghị định này.

2. Tổ chức, cá nhân đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép nghiên cứu khoa học, cấp Giấy phép nhận chìm ở biển, giao khu vực biển có nhu cầu gia hạn, sửa đổi, bổ sung, trả lại quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học, Giấy phép nhận chìm ở biển, Quyết định giao khu vực biển sau

Điều 23. Trách nhiệm của Bộ Nông nghiệp và Môi trường⁴⁵

1. Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển, cơ quan có liên quan thực hiện việc cấp, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, ⁴⁶ đình chỉ, thu hồi quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam.

2. Chủ động, phối hợp với Bộ Quốc phòng, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển kiểm tra, kiểm soát hoạt động nghiên cứu khoa học của tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành trong vùng biển Việt Nam.

3. Xử lý các hành vi vi phạm theo thẩm quyền quy định tại Nghị định này và quy định của pháp luật có liên quan.

4. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường⁴⁷ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thi hành Nghị định này.

Điều 24. Trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm sau đây:

a) Cho ý kiến về việc cấp, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, thu hồi quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học theo nội dung văn bản lấy ý kiến của cơ quan giải quyết hồ sơ⁴⁸;

ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì thẩm quyền, trình tự, thủ tục giải quyết thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

⁴⁵ Cụm từ “Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường” được thay thế bởi cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại điểm d, khoản 1, Điều 21 của Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo, có hiệu lực từ ngày 26 tháng 01 năm 2026.

⁴⁶ Cụm từ “cấp lại,” được bãi bỏ theo quy định tại điểm a, khoản 3, Điều 21 của Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo, có hiệu lực từ ngày 26 tháng 01 năm 2026.

⁴⁷ Cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” được thay thế bởi cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại điểm d, khoản 1, Điều 21 của Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo, có hiệu lực từ ngày 26 tháng 01 năm 2026.

⁴⁸ Cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” được thay thế bởi cụm từ “cơ quan giải quyết hồ sơ” theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 21 của Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm

b) Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc thực hiện việc kiểm tra, kiểm soát hoạt động nghiên cứu khoa học của tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành trong vùng biển Việt Nam;

c) Xử lý các hành vi vi phạm theo thẩm quyền; thông báo, phối hợp với cơ quan giải quyết hồ sơ⁴⁹ xử lý các hành vi vi phạm của tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam theo quy định của Nghị định này và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Bộ Quốc phòng trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao có trách nhiệm chỉ đạo các lực lượng tuần tra, kiểm soát thuộc thẩm quyền thực hiện việc kiểm tra, kiểm soát hoạt động nghiên cứu khoa học của tổ chức, cá nhân nước ngoài theo nội dung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học đã được cơ quan có thẩm quyền cấp, sửa đổi, bổ sung, gia hạn; phát hiện, xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam có hành vi vi phạm theo quy định tại Nghị định này và quy định của pháp luật có liên quan.

3. Bộ Công an có trách nhiệm chủ động phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh, xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam có hành vi vi phạm theo quy định tại Nghị định này và quy định của pháp luật có liên quan.

4. Các lực lượng tuần tra, kiểm soát trên biển có thẩm quyền trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao có trách nhiệm thực hiện việc kiểm tra, kiểm soát hoạt động nghiên cứu khoa học của tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành trong vùng biển Việt Nam; xử lý các hành vi vi phạm theo thẩm quyền.

Điều 25. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2016 và thay thế Nghị định số 242-HĐBT ngày 05 tháng 8 năm 1991 của Hội đồng Bộ trưởng ban hành Quy định về việc các bên nước ngoài và phương tiện nước ngoài vào nghiên cứu khoa học ở các vùng biển nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo, có hiệu lực từ ngày 26 tháng 01 năm 2026.

⁴⁹ Cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” được thay thế bởi cụm từ “cơ quan giải quyết hồ sơ” theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 21 của Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo, có hiệu lực từ ngày 26 tháng 01 năm 2026.

Điều 26. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ Nông nghiệp và Môi trường⁵⁰ chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biên tổ chức thực hiện Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biên và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Số /VBHN-BNNMT

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (để đăng công báo);
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Các sở NN&MT tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức THPL, Bộ Tư pháp;
- Công TTĐT Chính phủ (để đăng tải);
- Bộ trưởng Trần Đức Thắng (để báo cáo);
- Các đơn vị thuộc Bộ NN&MT;
- Công TTĐT Bộ NN&MT;
- Lưu: VT, BHD.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Đặng Ngọc Diệp

⁵⁰ Cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” được thay thế bởi cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại điểm d, khoản 1, Điều 21 của Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định trong lĩnh vực biên và hải đảo, có hiệu lực từ ngày 26 tháng 01 năm 2026.

Phụ lục

**MẪU CÁC VĂN BẢN CẤP PHÉP
CHO TỔ CHỨC, CÁ NHÂN NƯỚC NGOÀI TIẾN HÀNH
NGHIÊN CỨU KHOA HỌC TRONG VÙNG BIỂN VIỆT NAM**

*(Kèm theo Nghị định số 41/2016/NĐ-CP
ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ)*

Mẫu số	Tên mẫu
Mẫu số 01	Đơn đề nghị cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam
Mẫu số 02	Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam
Mẫu số 03	Đơn đề nghị gia hạn Quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam
Mẫu số 04 ⁵¹	(được bãi bỏ)
Mẫu số 05	Quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam
Mẫu số 06	Quyết định về việc gia hạn Quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam
Mẫu số 07	Quyết định đình chỉ Quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam
Mẫu số 08	Quyết định về việc thu hồi Quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam
Mẫu số 09	Báo cáo sơ bộ kết quả nghiên cứu khoa học

⁵¹ Mẫu này được bãi bỏ theo quy định tại điểm b, khoản 3, Điều 21 của Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo, có hiệu lực từ ngày 26 tháng 01 năm 2026.

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN*Tên địa danh, ngày... tháng... năm*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC
TRONG VÙNG BIỂN VIỆT NAM**

Kính gửi: Người có thẩm quyền cấp phép⁵²

1. Thông tin chung

1.1. Tên dự án/kế hoạch hoạt động nghiên cứu khoa học:	
1.2. Tổ chức, cá nhân nước ngoài đề nghị cấp phép:	
Tên tổ chức, cá nhân nước ngoài:	
Quốc tịch:	
Địa chỉ:	
Chức danh, tổ chức nơi làm việc (nếu là cá nhân):	
Số điện thoại:	Email:
Trang thông tin điện tử của tổ chức, có lý lịch khoa học của cá nhân (nếu có):	
Tên và cơ quan chịu trách nhiệm điều phối dự án lớn (nếu như hoạt động nghiên cứu là một dự án nhỏ trong một dự án lớn hơn):	
1.3. Tổ chức, cá nhân Việt Nam hợp tác (nếu có):	
Tên tổ chức, cá nhân Việt Nam:	
Địa chỉ:	
Số điện thoại:	Email:
Trang thông tin điện tử của tổ chức, có lý lịch khoa học của cá nhân (nếu có):	
1.4. Tổ chức tài trợ (nếu có):	
Tên tổ chức:	

⁵² Cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” được thay thế bởi cụm từ “người có thẩm quyền cấp phép” theo quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 21 của Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo, có hiệu lực từ ngày 26 tháng 01 năm 2026.

Người đại diện tổ chức:	
Địa chỉ:	
Số điện thoại:	Email:
Trang thông tin điện tử của tổ chức tài trợ (nếu có):	
1.5. Các nhà khoa học (nước ngoài) tham gia hoạt động nghiên cứu:	
Tên nhà khoa học:	Quốc tịch:
Chức danh, tổ chức nơi làm việc:	
Địa chỉ:	
Số điện thoại:	Email:
Trang thông tin điện tử có lý lịch khoa học của nhà khoa học (nếu có):	
1.6. Các nhà khoa học Việt Nam tham gia hoạt động nghiên cứu (nếu có):	
Tên nhà khoa học:	
Chức danh, tổ chức nơi làm việc:	
Địa chỉ:	
Số điện thoại:	Email:
Trang thông tin điện tử có lý lịch khoa học của nhà khoa học (nếu có):	
2. Mô tả hoạt động nghiên cứu	
2.1. Mục tiêu của hoạt động nghiên cứu:	
2.2. Nội dung và nhiệm vụ chính của hoạt động nghiên cứu:	
2.3. Sản phẩm chính của hoạt động nghiên cứu:	
2.4. Các hoạt động nghiên cứu đã tiến hành hoặc dự kiến sẽ tiến hành trong tương lai có liên quan đến hoạt động nghiên cứu:	
2.5. Các công bố khoa học trước đây có liên quan đến hoạt động nghiên cứu:	
3. Vị trí, tọa độ khu vực biển dự kiến tiến hành hoạt động nghiên cứu	
3.1. Chỉ rõ vị trí, tọa độ khu vực biển dự kiến tiến hành các hoạt động nghiên cứu (nêu rõ cả vị trí, tọa độ và độ sâu của các điểm lấy mẫu, tuyến đường thực hiện nghiên cứu, vị trí của thiết bị nghiên cứu)	

3.2. Sơ đồ⁵³ với tỉ lệ thích hợp thể hiện rõ vị trí, tọa độ khu vực biển dự kiến tiến hành hoạt động nghiên cứu, vị trí, tọa độ và độ sâu của các điểm lấy mẫu, tuyến đường thực hiện nghiên cứu, vị trí của thiết bị nghiên cứu (kèm theo Đơn đề nghị cấp phép)

4. Phương tiện và phương pháp nghiên cứu

4.1. Thông tin chi tiết của tàu thuyền:	
Tên:	Loại:
Quốc tịch (quốc gia tàu mang cờ):	Số đăng ký (IMO/Lloyds No.):
Trang thông tin điện tử có sơ đồ và thông số kỹ thuật:	
Chủ sở hữu:	Chủ sử dụng:
Tổng chiều dài (mét):	Hạ thủy tối đa (mét):
Tổng trọng tải:	Động cơ:
Tốc độ tối đa:	Ký hiệu:
Tính năng kỹ thuật (mô tả chi tiết tính năng kỹ thuật của tàu thuyền nghiên cứu):	
Số INMARSAT, phương thức và khả năng liên lạc (bao gồm cả tần số trong trường hợp khẩn cấp):	
Tên thuyền trưởng:	Số thuyền viên:
Số các nhà khoa học trên tàu:	
Tài liệu có liên quan được yêu cầu theo các quy định và điều ước quốc tế:	
Các thông tin có liên quan khác:	
4.2. Thông tin chi tiết của tàu bay:	
Tên:	Loại:
Quốc tịch (quốc gia tàu bay mang cờ):	
Trang thông tin điện tử có sơ đồ và thông số kỹ thuật:	
Chủ sở hữu:	Chủ sử dụng:
Tổng chiều dài:	Tổng trọng tải:
Tốc độ tối đa:	

⁵³ Cụm từ “bản đồ” được thay thế bởi cụm từ “sơ đồ” theo quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 21 của Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo, có hiệu lực từ ngày 26 tháng 01 năm 2026.

Tính năng kỹ thuật (mô tả chi tiết tính năng kỹ thuật của tàu bay):		
Phương thức và khả năng liên lạc (bao gồm cả tần số trong trường hợp khẩn cấp):		
Chi tiết về gói cảm biến:		
Thông tin liên quan khác:		
4.3. Phương tiện nghiên cứu khác sử dụng:		
4.4. Thông tin chi tiết về các phương pháp và các công cụ nghiên cứu khoa học:		
Các loại mẫu vật và phương pháp lấy mẫu	Phương pháp sử dụng	Công cụ được sử dụng
4.5. Số lượng, tính chất của các chất đưa vào môi trường biển:		
4.6. Nêu rõ việc khoan ở đáy biển, lòng đất dưới đáy biển dự kiến sẽ được thực hiện (Nếu có, chỉ rõ vị trí, tọa độ, độ sâu của việc khoan; chi tiết về phương án kỹ thuật triển khai công tác khoan, phương án hủy giếng khoan, tác động đến môi trường và việc phục hồi môi trường đáy biển, lòng đất dưới đáy biển sau khi khoan):		
4.7. Nêu rõ hóa chất dự kiến sử dụng, vụ nổ dự kiến thực hiện (Nếu có, chỉ rõ loại, tên thương mại, thành phần hóa học, kích thước, độ sâu của vụ nổ, tần suất của vụ nổ và vị trí, tọa độ nơi dự kiến thực hiện):		
5. Thiết bị nghiên cứu		
Thông tin chi tiết về các thiết bị nghiên cứu (bao gồm tên, loại thiết bị, hình vẽ mô tả (nếu có) ngày lắp đặt, phương thức, thời gian dự kiến cho việc bảo dưỡng, vị trí, độ sâu và phương pháp lắp đặt):		
6. Lịch trình nghiên cứu		
6.1. Dự kiến ngày đầu tiên và ngày cuối cùng thực hiện hoạt động nghiên cứu:		
6.2. Chi tiết lịch trình của toàn bộ chuyến nghiên cứu:		
7. Các cảng tàu sẽ dừng		
7.1. Ngày và tên các cảng dự định dừng:		
7.2. Dịch vụ dự kiến sử dụng tại cảng dừng (nếu có):		
7.3. Tên/địa chỉ/số điện thoại của hãng tàu (nếu có):		
8. Đăng ký thông tin liên lạc		
8.1. Kiểu, loại máy thông tin liên lạc:		
8.2. Tần số vô tuyến sử dụng:		

8.3. Thời gian liên lạc trong ngày:

9. Sự tham gia của nhà khoa học Việt Nam

9.1. Số người, thời gian tham gia nghiên cứu:

9.2. Quyền lợi, nghĩa vụ của nhà khoa học Việt Nam:

9.3. Ngày dự kiến và các cảng đón, trả nhà khoa học Việt Nam:

10. Báo cáo, chuyển giao thông tin, dữ liệu, mẫu vật và kết quả nghiên cứu

10.1. Ngày dự kiến gửi cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam báo cáo kết quả nghiên cứu sơ bộ:

10.2. Ngày dự kiến gửi cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam báo cáo chính thức về kết quả nghiên cứu và các thông tin, dữ liệu, mẫu vật:

10.3. Phương thức gửi báo cáo, chuyển giao thông tin, dữ liệu, mẫu vật thu được từ hoạt động nghiên cứu:

10.4. Phương thức đề cung cấp cho Việt Nam việc đánh giá thông tin, dữ liệu, mẫu vật và kết quả nghiên cứu:

10.5. Phương thức cung cấp sự hỗ trợ cho Việt Nam trong việc đánh giá, phân tích các thông tin, dữ liệu, mẫu vật và kết quả nghiên cứu:

10.6. Phương thức xây dựng báo cáo kết quả cuối cùng của hoạt động nghiên cứu trên phương diện quốc tế:

11. Các điều kiện và yêu cầu khác phải đáp ứng

Nêu rõ việc thực hiện các điều kiện và yêu cầu khác phải đáp ứng theo quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến hoạt động nghiên cứu:

12. Các tài liệu kèm theo

Nêu rõ các tài liệu gửi kèm theo.

Tổ chức/cá nhân làm đơn
(Ký tên, đóng dấu)

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Tên địa danh, ngày... tháng... năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUYẾT ĐỊNH CẤP PHÉP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC TRONG VÙNG BIỂN VIỆT NAM

Kính gửi: Người có thẩm quyền cấp phép⁵⁴

1. Thông tin chung

Tên dự án/kế hoạch hoạt động nghiên cứu khoa học:.....

Tên tổ chức, cá nhân: Quốc tịch:.....

Địa chỉ:.....

Số điện thoại:Email:.....

Đã được cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam theo Quyết định số ... /QĐ-BTNMT/UBND⁵⁵ ngày ... tháng ... năm ... của người có thẩm quyền cấp phép⁵⁶.

2. Tóm tắt tình hình, kết quả hoạt động nghiên cứu khoa học đã thực hiện.

⁵⁴ Cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” được thay thế bởi cụm từ “người có thẩm quyền cấp phép” theo quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 21 của Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo, có hiệu lực từ ngày 26 tháng 01 năm 2026.

⁵⁵ Cụm từ “BTNMT” được thay thế bởi cụm từ “BTNMT/UBND” theo quy định tại điểm e, khoản 1, Điều 21 của Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo, có hiệu lực từ ngày 26 tháng 01 năm 2026.

⁵⁶ Cụm từ “Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường” được thay thế bởi cụm từ “người có thẩm quyền cấp phép” theo quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 21 của Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo, có hiệu lực từ ngày 26 tháng 01 năm 2026.

3. Đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung Quyết định số ... /QĐ-BTNMT/UBND⁵⁷ ngày ... tháng ... năm ... của người có thẩm quyền cấp phép⁵⁸:

- Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung:

- Lý do và giải trình đề nghị sửa đổi, bổ sung:

4. ...(Tên tổ chức, cá nhân)... cam đoan thực hiện đúng các quy định của pháp luật về nghiên cứu khoa học trong vùng biển của Việt Nam và các quy định pháp luật khác có liên quan của Việt Nam.

5. Tài liệu gửi kèm theo đơn này:

- Báo cáo tình hình, kết quả hoạt động nghiên cứu khoa học đã thực hiện.

- Bản sao quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học đã được cấp.

- Các tài liệu làm cơ sở giải trình, chứng minh cho đề nghị sửa đổi, bổ sung (nếu có).

Tổ chức/cá nhân làm đơn
(Ký tên, đóng dấu)

⁵⁷ Cụm từ “BTNMT” được thay thế bởi cụm từ “BTNMT/UBND” theo quy định tại điểm e, khoản 1, Điều 21 của Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo, có hiệu lực từ ngày 26 tháng 01 năm 2026.

⁵⁸ Cụm từ “Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường” được thay thế bởi cụm từ “người có thẩm quyền cấp phép” theo quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 21 của Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo, có hiệu lực từ ngày 26 tháng 01 năm 2026.

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN*Tên địa danh, ngày... tháng... năm***ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN QUYẾT ĐỊNH CẤP PHÉP
NGHIÊN CỨU KHOA HỌC TRONG VÙNG BIỂN VIỆT NAM**Kính gửi: Người có thẩm quyền cấp phép⁵⁹**1. Thông tin chung**

Tên dự án/kế hoạch hoạt động nghiên cứu khoa học:

Tên tổ chức, cá nhân: Quốc tịch:

Địa chỉ:.....

Số điện thoại: Email:

Đã được cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam theo Quyết định số ... /QĐ-BTNMT/UBND⁶⁰ ngày ... tháng ... năm ... của người có thẩm quyền cấp phép⁶¹.

2. Tóm tắt tình hình, kết quả hoạt động nghiên cứu khoa học đã thực hiện.

⁵⁹ Cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” được thay thế bởi cụm từ “người có thẩm quyền cấp phép” theo quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 21 của Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo, có hiệu lực từ ngày 26 tháng 01 năm 2026.

⁶⁰ Cụm từ “BTNMT” được thay thế bởi cụm từ “BTNMT/UBND” theo quy định tại điểm e, khoản 1, Điều 21 của Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo, có hiệu lực từ ngày 26 tháng 01 năm 2026.

⁶¹ Cụm từ “Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường” được thay thế bởi cụm từ “người có thẩm quyền cấp phép” theo quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 21 của Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo, có hiệu lực từ ngày 26 tháng 01 năm 2026.

3. Đề nghị được gia hạn Quyết định số ... /QĐ-BTNMT/UBND⁶² ngày ... tháng ... năm ... của người có thẩm quyền cấp phép⁶³:

Lý do (nêu rõ lý do và giải trình) về đề nghị gia hạn:

.....

Thời gian đề nghị gia hạn: Từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm...

4. ...(Tên tổ chức, cá nhân)... cam đoan thực hiện đúng các quy định của pháp luật về nghiên cứu khoa học trong vùng biển của Việt Nam và các quy định pháp luật khác có liên quan của Việt Nam.

5. Tài liệu gửi kèm theo đơn này:

- Báo cáo tình hình, kết quả hoạt động nghiên cứu khoa học đã thực hiện.
- Bản sao quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học đã được cấp.

Tổ chức/cá nhân làm đơn
(Ký tên, đóng dấu)

⁶² Cụm từ “BTNMT” được thay thế bởi cụm từ “BTNMT/UBND” theo quy định tại điểm e, khoản 1, Điều 21 của Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo, có hiệu lực từ ngày 26 tháng 01 năm 2026.

⁶³ Cụm từ “Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường” được thay thế bởi cụm từ “người có thẩm quyền cấp phép” theo quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 21 của Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo, có hiệu lực từ ngày 26 tháng 01 năm 2026.

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Tên địa danh, ngày... tháng... năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI QUYẾT ĐỊNH CẤP PHÉP
NGHIÊN CỨU KHOA HỌC TRONG VÙNG BIỂN VIỆT NAM
(được bãi bỏ)**

⁶⁴ Mẫu này được bãi bỏ theo quy định tại điểm b, khoản 3, Điều 21 của Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo, có hiệu lực từ ngày 26 tháng 01 năm 2026.

Mẫu số 05⁶⁵

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG/
ỦY BAN NHÂN DÂN.....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../QĐ-BNNMT/UBND

Địa danh, ngày ... tháng ... năm

QUYẾT ĐỊNH
Cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam
(sửa đổi, bổ sung)¹

**BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG/
CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ...**

Căn cứ Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 41/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết việc cấp phép cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số .../NĐ-CP ngày tháng năm của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo;

Căn cứ Nghị định số .../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ.....;

Xét hồ sơ đề nghị cấp phép nghiên cứu khoa học/sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam của ông/bà/tổ chức... (tên tổ chức, cá nhân);

⁶⁵ Mẫu này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2, Điều 21 của Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo, có hiệu lực từ ngày 26 tháng 01 năm 2026.

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam/Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh, thành phố....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép ông/bà/tổ chức ... (tên tổ chức, cá nhân, địa chỉ, quốc tịch) ... và ông/bà/tổ chức ... (tên tổ chức, cá nhân Việt Nam trong trường hợp có hợp tác nghiên cứu khoa học) ... được tiến hành nghiên cứu khoa học trong nội thủy, lãnh hải Việt Nam².

Chấp thuận cho ông/bà/tổ chức... (tên tổ chức, cá nhân, địa chỉ, quốc tịch)... và ông/bà/tổ chức... (tên tổ chức, cá nhân Việt Nam trong trường hợp có hợp tác nghiên cứu khoa học)... được tiến hành nghiên cứu khoa học trong vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa Việt Nam³.

1. Mục tiêu của hoạt động nghiên cứu:
2. Nội dung chính của hoạt động nghiên cứu:
3. Vị trí, tọa độ khu vực biển thực hiện hoạt động nghiên cứu:
4. Phương pháp nghiên cứu; phương tiện, thiết bị nghiên cứu:
5. Vật liệu nổ, chất độc, hoá chất nguy hiểm được phép sử dụng để nghiên cứu (nếu có):
6. Lịch trình nghiên cứu:
7. Các cảng đến và đi (nếu có):
8. Tên, quốc tịch của các nhà khoa học nước ngoài; tên của các nhà khoa học Việt Nam tham gia hoạt động nghiên cứu:
9. Thời hạn nghiên cứu: Từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng... năm ...

Điều 2. Ông/bà/tổ chức ... (tên tổ chức, cá nhân) ... có trách nhiệm:

1. Thực hiện đúng các nội dung trong hồ sơ đề nghị cấp phép/hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam.
2. Tuân thủ đúng các nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 20 Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.
3. Tuân thủ đúng quy định về công bố và chuyển giao thông tin, kết quả nghiên cứu khoa học theo quy định tại Điều 21 Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.
4. Tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về biển, hàng hải, hàng không, hải quan, thuế, lao động, y tế, xuất nhập cảnh, bảo vệ môi trường, quốc phòng, an ninh và các quy định khác có liên quan của pháp luật Việt Nam trong quá trình tiến hành nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Điều 4. Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam/Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh, thành phố..., và ông/bà/tổ chức... (tên tổ chức, cá nhân) ... chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

Nơi nhận:

-;
-;
- Lưu: VT,....

BỘ TRƯỞNG/CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN
(Ký tên, đóng dấu)

¹ Ghi trong trường hợp được sửa đổi, bổ sung.

² Áp dụng trong trường hợp cấp phép cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu khoa học trong nội thủy, lãnh hải Việt Nam.

³ Áp dụng trong trường hợp cấp phép cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu khoa học trong vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa Việt Nam.

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG/
ỦY BAN NHÂN DÂN.....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../QĐ-BNNMT/UBND

Địa danh, ngày ... tháng ... năm

QUYẾT ĐỊNH
Về việc gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học
trong vùng biển Việt Nam

**BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG/
CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ....**

Căn cứ Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 41/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết việc cấp phép cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số/NĐ-CP ngày tháng năm của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo;

Căn cứ Nghị định số .../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường ...;

Căn cứ.....;

Xét hồ sơ đề nghị gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam của ông/bà/tổ chức ... (tên tổ chức, cá nhân) ...;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam/Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh, thành phố....

⁶⁶ Mẫu này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2, Điều 21 của Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo, có hiệu lực từ ngày 26 tháng 01 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Gia hạn thời hạn nghiên cứu khoa học đã được cấp phép tại Quyết định số ... /QĐ-BNNMT/UBND ngày ... tháng ... năm ... của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường/Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố... cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam.

Thời hạn gia hạn là ... ngày/tháng, kể từ ngày ... tháng ... năm ...

Ông/bà/tổ chức... (tên tổ chức, cá nhân, địa chỉ, quốc tịch)... có trách nhiệm:

.....

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Điều 3. Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam/Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh, thành phố..., và ông/bà/tổ chức ... (tên tổ chức, cá nhân) ... chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

Nơi nhận:

-
-
- Lưu: VT,....

BỘ TRƯỞNG/CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN
(Ký tên, đóng dấu)

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG/
ỦY BAN NHÂN DÂN.....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../QĐ-BNNMT/UBND

Địa danh, ngày ... tháng ... năm

QUYẾT ĐỊNH
Đình chỉ Quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học
trong vùng biển Việt Nam

**BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG/
CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ....**

Căn cứ Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 41/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết việc cấp phép cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số .../NĐ-CP ngày tháng năm của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo;

Căn cứ Nghị định số .../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ.....;

Xét đề nghị của tổ chức ...(tên tổ chức)... về hành vi vi phạm của ông/bà/tổ chức ... (tên tổ chức, cá nhân) ... trong quá trình tiến hành nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam/Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh, thành phố....

⁶⁷ Mẫu này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2, Điều 21 của Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo, có hiệu lực từ ngày 26 tháng 01 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đình chỉ Quyết định số ... /QĐ-BNNMT/UBND ngày ... tháng ... năm ... của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường/Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố... cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam.

Ông/bà/tổ chức ... (tên tổ chức, cá nhân, địa chỉ, quốc tịch) ... phải dừng ngay hoạt động nghiên cứu khoa học và thực hiện các nghĩa vụ sau:

.....

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Điều 3. Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam/Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh, thành phố..., và ông/bà/tổ chức ... (tên tổ chức, cá nhân) ... chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

Nơi nhận:

-;
-;
- Lưu: VT,....

BỘ TRƯỞNG/CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN
(Ký tên, đóng dấu)

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG/
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ...**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../QĐ-BNNMT/UBND

Địa danh, ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thu hồi Quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học
trong vùng biển Việt Nam

**BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG/
CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ...**

Căn cứ Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 41/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết việc cấp phép cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số .../NĐ-CP ngày tháng năm của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo;

Căn cứ Nghị định số .../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường...;

Căn cứ.....;

Xét đề nghị của tổ chức ... (tên tổ chức) ... về hành vi vi phạm của ông/bà/tổ chức ... (tên tổ chức, cá nhân) ... trong quá trình tiến hành nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam;

⁶⁸ Mẫu này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2, Điều 21 của Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo, có hiệu lực từ ngày 26 tháng 01 năm 2026.

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam/Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh, thành phố....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu hồi Quyết định số ... /QĐ-BNNMT/UBND ngày ... tháng ... năm ... của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường/Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố... cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam.

Ông/bà/tổ chức ... (tên tổ chức, cá nhân, địa chỉ, quốc tịch) ... phải chấm dứt ngay hoạt động nghiên cứu khoa học, tháo dỡ và đưa thiết bị, phương tiện nghiên cứu khoa học ra khỏi vùng biển Việt Nam và thực hiện các nghĩa vụ sau:

.....

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Điều 3. Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam/Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh, thành phố..., và ông/bà/tổ chức ... (tên tổ chức, cá nhân) ... chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

Nơi nhận:

-;
-;
- Lưu: VT,....

BỘ TRƯỞNG/CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN
(Ký tên, đóng dấu)

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN*Tên địa danh, ngày... tháng... năm***BÁO CÁO SƠ BỘ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC**Kính gửi: Người có thẩm quyền cấp phép⁶⁹

1. Tên dự án/kế hoạch hoạt động nghiên cứu khoa học:	
- Tóm tắt mục tiêu hoạt động nghiên cứu khoa học:	
- Tóm tắt nội dung, nhiệm vụ chính của hoạt động nghiên cứu khoa học:	
2. Quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học (số, ngày, tháng, năm):	
3. Nhà khoa học xây dựng báo cáo:	
Tên:	Chức danh:
Quốc tịch:	Địa chỉ:
Số điện thoại:	Email:
Trang thông tin điện tử có lý lịch khoa học (nếu có):	
4. Kết quả nghiên cứu khoa học:	
- Mô tả tóm tắt các hoạt động đã tiến hành (Nêu rõ vị trí lấy mẫu, phương thức lấy mẫu, các loại mẫu):	
- Dữ liệu thô:	
- Dữ liệu đã xử lý:	
- Phân tích dữ liệu:	
- Những sản phẩm, kết quả quan trọng thu được từ hoạt động nghiên cứu khoa học:	
5. Đánh giá chung về việc thực hiện nghiên cứu khoa học (nêu rõ tỷ lệ thực hiện khối lượng công việc):	

⁶⁹ Cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” được thay thế bởi cụm từ “người có thẩm quyền cấp phép” theo quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 21 của Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo, có hiệu lực từ ngày 26 tháng 01 năm 2026.

6. Dự kiến ngày gửi báo cáo chính thức về kết quả nghiên cứu khoa học:
--

7. Tài liệu, hình ảnh đính kèm thể hiện lịch trình nghiên cứu, vị trí các nơi lấy mẫu...
--

Tên tổ chức/cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)